

Bản án số: 85/2024/DSPT

Ngày: 26/02/2024

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà **Phan Thị Hồng Dung**

- **Các thẩm phán:** Bà **Lê Thị Minh Trang**

Bà **Nguyễn Thị Thùy Trang**

- **Thư ký phiên tòa:** Ông **Lê Văn Ban** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:** Ông **Lâm Thành Them** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 420/TLPT-DS ngày 16 tháng 11 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2024/QĐXX-PT ngày 03 tháng 01 năm 2024. .

Do bản án số 69/2023/DSST ngày 31/8/2023 của Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ xử sơ thẩm có kháng cáo, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại Cổ phần X.

Địa chỉ: Tầng H, Văn phòng số L+16, tòa nhà V, số G, L, phường B, quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông **Trần Tấn L** – Tổng giám đốc.

- Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông **Nguyễn Anh K** - Văn bản ủy quyền ngày 21/12/2023 (có mặt).

Địa chỉ: Lô L, L, phường B, quận B, thành phố Cần Thơ.

*** Bị đơn:** 1. Ông **Đặng Thanh S**, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Số E, Hồ T, phường T, quận B, thành phố Cần Thơ.

2. Bà **Nguyễn Kim H**, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Số E, Hồ T, phường T, quận B, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông **Nguyễn Văn Quan V**, sinh năm 2001 (văn bản uỷ quyền ngày 13/9/2023).

Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang (xin xét xử vắng mặt).

Người kháng cáo: Ông Đặng Thanh S, bà Nguyễn Kim H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện uỷ quyền cho nguyên đơn trình bày:

Ngày 31/12/2021, E đã ký Hợp đồng tín dụng số LAV- 210100355/1516 cho bà Nguyễn Kim H – ông Đặng Thanh S vay tổng số tiền 15.000.000.000 đồng (mười lăm tỷ đồng), lãi suất 9,49%/năm và hợp đồng tín dụng số LAV- 210100356/156 vay tổng số tiền 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng), lãi suất 9,99%/năm, lãi quá hạn 150% mức lãi suất cho vay trong hạn, lãi suất trên số tiền chậm trả lãi 10%/năm. Thực hiện hợp đồng tín dụng trên, ngân hàng đã giải ngân và ông S, bà H đã nhận nợ theo các hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ.

Ngày 09/12/2022, bà Nguyễn Kim H có ký giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành thẻ tín dụng quốc tế với ngân hàng E hạn mức thẻ 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng).

Để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi và lãi quá hạn của bên vay, các bên đã ký các Hợp đồng thế chấp sau:

+ Hợp đồng thế chấp tài sản số 050/2021/EIBTĐO-TN/TC ngày 31/12/2021 được công chứng tại Văn phòng C, địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, TP . và Đơn đăng ký Giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T, thành phố Cần Thơ ngày 31/12/2021. Tài sản bảo đảm của Hợp đồng thế chấp trên là QSD 16.378,6m² đất (Thửa 374, 729, 761, 762, 731, 372, 753, 730, 352, 351, 728, 755 - TĐĐ số 10) tọa lạc tại đường tỉnh 922, ấp T, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ (nay là xã T, huyện T, TP ., chi tiết các thửa và chiều theo giấy chứng nhận QSD đất số phát hành như sau:

- Tài sản 1: QSD 1.472m² đất (Thửa đất số 351 - TĐĐ số 10) tọa lạc tại Ấp T, X. T, H. C, TP . (nay là Ấp T, X. T, H. T, TP .), chiều theo Giấy chứng nhận QSD số phát hành: AC 777319, sổ vào sổ cấp GCN QSDĐ: H00543 do U, TP . (nay là U1, TP .) cấp ngày 28/09/2005 (Cập nhật chỉnh lý biến động ngày 31/12/2021).

- Tài sản 2: QSD 1.125,8m² đất (Thửa đất số 352 - TĐĐ số 10) tọa lạc tại Ấp T, X. T, H. C, TP . (nay là Ấp T, X. T, H. T, TP .), chiều theo Giấy chứng nhận QSD đất số phát hành: AC 777325, sổ vào sổ cấp GCN QSDĐ: H00544 do U, TP .

(nay là U1, TP .) cấp ngày 28/09/2005 (Cập nhật chỉnh lý biến động ngày 30/12/2021 và ngày 31/12/2021).

- Tài sản 3: QSD 3.050,5m² đất (Thửa đất số 372 - TĐĐ số 10) tọa lạc tại Ấp T, X. T, H. C, TP . (nay là Ấp T, X. T, H. T, TP .), chiếu theo Giấy chứng nhận QSD đất số phát hành: AC 777316, sổ vào sổ cấp GCN QSDĐ: H00541 do U, TP . (nay là U1, TP .) cấp ngày 06/10/2005 (Cập nhật chỉnh lý biến động ngày 30/12/2021 và ngày 31/12/2021).

- Tài sản 4: QSD 3.598,8m² đất (Thửa đất số 374 - TĐĐ số 10) tọa lạc tại Ấp T, X. T, H. C, TP . (nay là Ấp T, X. T, H. T, TP .), chiếu theo Giấy chứng nhận QSD đất số phát hành: AC 777323, sổ vào sổ cấp GCN QSDĐ: H00545 do U, TP . (nay là U1, TP .) cấp ngày 28/09/2005 (Cập nhật chỉnh lý biến động ngày 30/12/2021 và ngày 31/12/2021).

- Tài sản 5: QSD 486m² đất (Thửa đất số 728 - TĐĐ số 10) tọa lạc tại Ấp T, X. T, H. C, TP . (nay là Ấp T, xu T, H. T, TP .), chiếu theo Giấy chứng nhận QSD đất số phát hành: AC 777320, sổ vào sổ cấp GCN QSDĐ: H00546 do U, TP . (nay là U1, TP .) cấp ngày 28/09/2005 (Cập nhật chỉnh lý biến động ngày 31/12/2021).

- Tài sản 6: QSD 101m² đất (Thửa đất số 729 - TĐĐ số 10) tọa lạc tại Ấp T, X. T, H. C, TP . (nay là Ấp T, X. T, H. T, TP .), chiếu theo Giấy chứng nhận QSD đất số phát hành: AC 777324, sổ vào sổ cấp GCN QSDĐ: H00549 do U, TP . (nay là U1, TP .) cấp ngày 28/09/2005 (Cập nhật chỉnh lý biến động ngày 31/12/2021).

- Tài sản 7: QSD 630m² đất (Thửa đất số 730 - TĐĐ số 10) tọa lạc tại Ấp T, X. T, H. C, TP . (nay là Ấp T, X. T, H. T, TP .), chiếu theo Giấy chứng nhận QSD đất số phát hành: AC 777321, sổ vào sổ cấp GCN QSDĐ: H00547 do U, TP . (nay là U1, TP .) cấp ngày 28/09/2005 (Cập nhật chỉnh lý biến động ngày 31/12/2021).

- Tài sản 8: QSD 201m² đất (Thửa đất số 731 - TĐĐ số 10) tọa lạc tại Ấp T, X. T, H. C, TP . (nay là Ấp T, X. T, H. T, TP .), chiếu theo Giấy chứng nhận QSD đất số phát hành: AC 777322, sổ vào sổ cấp GCN QSDĐ: H00548 do U, TP . (nay là U1, TP .) cấp ngày 28/09/2005 (Cập nhật chỉnh lý biến động ngày 12/05/2021 và ngày 31/12/2021).

- Tài sản 9: QSD 1.898,7m² đất (Thửa đất số 753 - TĐĐ số 10) tọa lạc tại Ấp T, X. T, H. C, TP . (nay là Ấp T, X. T, H. T, TP .), chiếu theo Giấy chứng nhận QSD đất số phát hành: AC 777317, sổ vào sổ cấp GCN QSDĐ: H00542 do U, TP . (nay là U1, TP .) cấp ngày 06/10/2005 (Cập nhật chỉnh lý biến động ngày 30/12/2021 và ngày 31/12/2021).

- Tài sản 10: QSD 683,8m² đất (Thửa đất số 755 - TĐĐ số 10) tọa lạc tại Ấp T, X. T, H. C, TP . (nay là Ấp T, X. T, H. T, TP .), chiếu theo Giấy chứng nhận QSD đất số phát hành: AC 777318, sổ vào sổ cấp GCN QSDĐ: H00540 do U, TP .

(nay là U1, TP .) cấp ngày 06/10/2005 (Cập nhật chỉnh lý biến động ngày 30/12/2021 và ngày 31/12/2021).

- Tài sản 11: QSD 3.131m² đất (Thửa đất số 761, 762 - TĐĐ số 10) tọa lạc tại Ấp T, X. T, H. Ô, tỉnh Cần Thơ (nay là Ấp T, X. T, H. T, TP .), chiếu theo Giấy chứng nhận QSD đất số phát hành: U 422316, số vào sổ cấp GCN QSDĐ: 03523.QSDĐ do U2, tỉnh Cần Thơ (nay là H. T, TP .) cấp ngày 10/12/2001 (Cập nhật chỉnh lý biến động ngày 12/05/2021 và ngày 31/12/2021).

Quá trình thực hiện các Hợp đồng tín dụng trên, ông S, bà H chỉ trả được 595.837.091 đồng nợ gốc, và 1.639.823.945 đồng nợ lãi. Sau đó, khách hàng đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, E đã nhiều lần đề nghị ông S, bà H trả nợ nhưng vẫn không thanh toán nợ cho ngân hàng.

Tính đến ngày 29/8/2023, bà Nguyễn Kim H – ông Đặng Thanh S còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 19.016.248.994 đồng (gốc: 17.349.996.000 đồng, lãi trong hạn: 1.588.639.077 đồng, lãi quá hạn: 26.827.582 đồng, lãi chậm trả: 50.786.335 đồng) và nợ thẻ tín dụng tính đến ngày 08/03/2023 tổng số tiền là 257.953.814 đồng (gốc 189.402.478 đồng, lãi đến ngày 29/8/2023 là 68.551.336 đồng) và các phí phát sinh.

Căn cứ các Hợp đồng tín dụng, các hợp đồng tín dụng kèm khế ước nhận nợ, các khế ước nhận nợ, các hợp đồng thế chấp đã ký, ngân hàng yêu cầu Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, TP . giải quyết buộc:

Ông S và bà H thanh toán cho ngân hàng toàn bộ nợ gốc và lãi phát sinh tạm tính theo số tiền trên và các phí liên quan cho ngân hàng theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi trả hết số nợ.

Trường hợp ông S, bà H không trả đủ nợ cho ngân hàng thì ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mãi các tài sản thế chấp số 050 ngày 31/12/2021 để thu hồi nợ cho ngân hàng. Nếu tài sản phát mãi không thu hồi đủ trả nợ thì S, bà H tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán cho đến khi trả xong nợ và các phí liên quan cho ngân hàng.

Tại bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Đặng Thanh S và bà Nguyễn Kim H thống nhất trình bày:

Ông S và bà H thống nhất thừa nhận có ký kết hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp và giấy đề nghị phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế với nguyên đơn ngân hàng. Nay số nợ gốc và lãi như ngân hàng trình bày là đúng, thống nhất trả nợ theo yêu cầu của ngân hàng. Tuy nhiên, bị đơn yêu cầu ngân hàng cho thời hạn 04 tháng để bị đơn bán tài sản thế chấp để trả nợ cho ngân hàng.

Tại bản án sơ thẩm số 69/2023/DSST ngày 31/8/2023 của TAND quận Bình Thủy tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần X đối với bị đơn ông Đặng Thanh S và bà Nguyễn Kim H về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

[1.1] Buộc bị đơn ông Đặng Thanh S và bà Nguyễn Kim H có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần X tổng tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (29/8/2023) là 19.016.248.994 đồng (*mười chín tỷ không trăm mười sáu triệu hai trăm bốn mươi tám nghìn chín trăm chín mươi bốn đồng*), trong đó: Tiền gốc 17.349.996.000 đồng, lãi trong hạn 1.588.639.077 đồng, lãi quá hạn 26.827.582 đồng, lãi chậm trả 50.786.335 đồng. Ngoài ra, ông S, bà H phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng cấp tín dụng ngày 31/12/2021 do ông S, bà H đã ký kết với nguyên đơn ngân hàng cho đến khi trả dứt số nợ trên.

[1.2] Buộc bị đơn ông Đặng Thanh S và bà Nguyễn Kim H có trách nhiệm trả cho nguyên đơn Ngân hàng số tiền 257.953.814 đồng (*hai trăm năm mươi bảy triệu chín trăm năm mươi ba nghìn tám trăm mười bốn đồng*) và lãi phát sinh theo giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành thẻ quốc tế đã ký cho đến khi trả xong số tiền này.

[1.3] Về tài sản thế chấp: nếu ông S, bà H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn ngân hàng thương mại cổ phần X có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự phát mãi, kê biên Tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp đã ký ngày 31/12/2021 để ngân hàng thu hồi nợ.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 13/9/2023 ông Đặng Thanh S và bà Nguyễn Kim H có đơn kháng cáo, yêu cầu quyền được tự liên hệ bán tài sản, hoặc thoả thuận bàn giao các tài sản lớn và có giá trị để Ngân hàng tự bán thu hồi nợ.

Tại phiên toà phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu, người kháng cáo có đại diện ủy quyền xin vắng mặt vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Nhận xét và đề nghị của kiểm sát viên:

- Về tố tụng: Chủ toạ, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự tại phiên tòa cho thấy cấp sơ thẩm xử là có căn cứ. Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn thuộc lĩnh vực thi hành án xem xét. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm (có bài phát biểu kèm theo).

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết:* Nguyên đơn Ngân hàng Thương Mại Cổ phần X (gọi tắt là Ngân hàng) khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Đặng Thanh S và bà Nguyễn Kim H thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết nên xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có địa chỉ tại B nên căn cứ vào các quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

[2] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

[2.1] Về số nợ gốc và lãi suất theo Hợp đồng:

Căn cứ Hợp đồng tín dụng số LAV-210100355/1516 ngày 31/12/2021, ngân hàng đã ký cho bà Nguyễn Kim H – ông Đặng Thanh S vay tổng số tiền 15.000.000.000 đồng (mười lăm tỷ đồng) và hợp đồng tín dụng số LAV. 210100356/156 ngày 31/12/2021 vay tổng số tiền 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng).

Căn cứ vào thừa nhận của các bị đơn tại phiên tòa và Bản sao kê hoạt động của khách hàng vay thì ông S, bà H đã chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ và đến ngày 08/01/2023 ngưng đóng gốc, lãi cho ngân hàng.

Như vậy ông S, bà H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ cho ngân hàng theo thỏa thuận nên nguyên đơn có yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn trả nợ gốc, lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (29/8/2023) 19.016.248.994 đồng (trong đó, gốc: 17.349.996.000 đồng, lãi trong hạn: 1.588.639.077 đồng, lãi quá hạn: 26.827.582 đồng, lãi chậm trả: 50.786.335 đồng) và nợ thế tín dụng tính đến ngày 08/03/2023 tổng số tiền là 198.248.664 đồng (trong đó, gốc 189.402.478 đồng, lãi 8.846.186 đồng) và các phí phát sinh. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên chấp nhận.

[2.2] *Xét lời trình bày của các bị đơn:*

Các bị đơn thừa nhận vốn và lãi theo hợp đồng tín dụng là đúng, nhưng yêu cầu nguyên đơn cho gia hạn 04 tháng để bán các tài sản thế chấp để trả nợ cho ngân hàng. Xét đây là sự đề nghị thỏa thuận của các đương sự, tuy nhiên do nguyên đơn không đồng ý nên yêu cầu này của bị đơn không được thỏa đáng, bởi lẽ các tài sản bị đơn yêu cầu để được tự bán tài sản khi đã ký hợp đồng thế chấp tại ngân hàng, nên yêu cầu này của bị đơn là không được chấp nhận.

[2.2] Về tài sản thế chấp:

Căn cứ Hợp đồng thế chấp tài sản số 050/2021/EIBTĐO-TN/TC ngày 31/12/2021 được công chứng tại Văn phòng C, địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, TP . và Đơn đăng ký Giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T, TP . ngày 31/12/2021. Tài sản bảo đảm của Hợp đồng thế chấp trên là QSD 16.378,6m đất (Thửa 374, 729, 761, 762, 731, 372, 753, 730, 352, 351, 728, 755 - TĐĐ số 10) tọa lạc tại đường tỉnh 922, ấp T, xã T, huyện C, TP . (nay là xã T, huyện T, TP .).

Các tài sản thế chấp trên đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm tại các Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện T, thành phố Cần Thơ là hợp pháp. Do đó, trường hợp bị đơn ông S, bà H không trả đủ nợ cho ngân hàng thì ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mãi các tài sản thế chấp để thu hồi nợ là có căn cứ nên chấp nhận.

[3] Về yêu cầu kháng cáo của ông S, bà H: Ông, bà yêu cầu được tự liên hệ bán tài sản, hoặc thoả thuận bàn giao các tài sản lớn và có giá trị để Ngân hàng tự bán thu hồi nợ. Xét thấy, tại phiên toà đại diện Ngân hàng cho rằng yêu cầu này không được đề cập đến trong hợp đồng thế chấp, hơn nữa thời gian kháng cáo đã kéo dài hơn sáu tháng nhưng bị đơn chưa thực hiện việc tự bán tài sản theo đề nghị, yêu cầu này của bị đơn đến giai đoạn thi hành án sẽ xem xét. Mặt khác yêu cầu này của bị đơn không liên quan gì đến nội dung giải quyết của vụ án, nếu có yêu cầu thì thuộc thẩm quyền giai đoạn thi hành án xem xét theo quy định. Vì vậy không có cơ sở để xem xét yêu cầu kháng cáo của các bị đơn.

Bản án sơ thẩm xử là có căn cứ và các bên không kháng cáo về Hợp đồng tín dụng cũng như hợp đồng thế chấp tài sản nên được giữ nguyên.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng khác:

Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên các bị đơn phải chịu án phí theo quy định. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã dự nộp.

Chi phí thẩm định tại chỗ: 5.000.000 đồng. Bị đơn phải chịu, nguyên đơn đã thực hiện xong nên bị đơn có nghĩa vụ trả lại nguyên đơn số tiền này.

[5] *Về án phí dân sự phúc thẩm:* Do kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên phải chịu theo qui định.

[6] Nhận xét và đề nghị của kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;
- Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử.

- Về hình thức: Chấp nhận đơn kháng cáo hợp lệ ông Đặng Thanh S và bà Nguyễn Kim H.

Về nội dung: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo ông Đặng Thanh S và bà Nguyễn Kim H.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm;

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần X đối với bị đơn ông Đặng Thanh S và bà Nguyễn Kim H về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

[1.1] Buộc bị đơn ông Đặng Thanh S và bà Nguyễn Kim H có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần X tổng tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (29/8/2023) là 19.016.248.994 đồng (*mười chín tỷ không trăm mười sáu triệu hai trăm bốn mươi tám nghìn chín trăm chín mươi bốn đồng*), trong đó: Tiền gốc 17.349.996.000 đồng, lãi trong hạn 1.588.639.077 đồng, lãi quá hạn 26.827.582 đồng, lãi chậm trả 50.786.335 đồng. Ngoài ra, ông S, bà H phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng cấp tín dụng ngày 31/12/2021 do ông S, bà H đã ký kết với nguyên đơn ngân hàng cho đến khi trả dứt số nợ trên.

[1.2] Buộc bị đơn ông S và bà H có trách nhiệm trả cho nguyên đơn ngân hàng số tiền 257.953.814 đồng (*hai trăm năm mươi bảy triệu chín trăm năm mươi ba nghìn tám trăm mười bốn đồng*) và lãi phát sinh theo giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành thẻ quốc tế đã ký cho đến khi trả số tiền này.

[1.3] Về tài sản thế chấp: Nếu ông S, bà H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn ngân hàng thương mại cổ phần X có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự phát mãi, kê biên Tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp đã ký ngày 31/12/2021 để ngân hàng thu hồi nợ.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng khác:

[2.1] Án phí dân sự sơ thẩm là 127.274.202 đồng (*một trăm hai mươi bảy triệu hai trăm bảy mươi bốn nghìn hai trăm lẻ hai đồng*), bị đơn ông S và bà H phải chịu.

Nguyên đơn ngân hàng được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 67.931.326 đồng (*sáu mươi bảy triệu chín trăm ba mươi một nghìn ba trăm hai sáu*

đồng) theo biên lai thu số 0002163 ngày 24/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

[2.2] Chi phí tố tụng là 5.000.000 đồng, bị đơn ông S, bà H phải chịu – nguyên đơn đã thực hiện xong nên bị đơn ông S và bà H có nghĩa vụ trả lại nguyên đơn số tiền này.

[3] Về án phí phúc thẩm: Ông Đặng Thanh S và bà Nguyễn Kim H phải nộp 300.000 đồng. Chuyển số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 002402 ngày 14/9/2023 của Chi cục thi hành án quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ thành án phí (nộp xong).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 26/02/2024.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND TP. Cần Thơ;
- Chi cục THADS Q. Bình Thủy;
- TAND Q. Bình Thủy
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Thị Hồng Dung